

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 4 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Học**
Ông **Lê Xuân Sơn**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Dũng**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1994; có mặt.
Địa chỉ: Thôn 6, xã T.H, huyện P, Thành phố Hà Nội
2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Y kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện P. Sau khi hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán, chị Y về sống chung cùng anh T và mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị H tại xã Ng, huyện P. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y khai là do anh T chơi cờ bạc và uống rượu về nhà đả chửi chị Y nên đã nhiều lần chị Y phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau mỗi lần như vậy thì anh T đến xin lỗi và đón chị Y về sống chung, nhưng chỉ được một thời gian ngắn, anh

T lại tiếp tục uống rượu và đánh vợ. Vì vậy, chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở lần cuối từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay không về sống chung cùng anh T nữa. Theo chị Y thì thỉnh thoảng anh T vẫn đến thăm con, nhưng chị Y và anh T chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến ai nữa. Mặc dù, anh T biết chị gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án và biết việc Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết nhưng anh T nói “Mày ly hôn thì kệ mày, tao không đến”. Đến nay, chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ để sống chung cùng nhau được vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị Y. Chị Y đề nghị được nuôi cả hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không có

Do anh Nguyễn Văn T không hợp tác, không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Các cháu Nguyễn Thành N và Nguyễn Thị Ngọc A đã có văn bản trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y kiên quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng, các thời hạn tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/01/2013 và cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/01/2016 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn 1, xã Ng, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do anh T không hợp tác, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện P vào ngày 23/02/2012 do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc và có 02 con chung. Theo chị Y thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2016, nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc, uống rượu về nhà đánh chị nên đã nhiều lần chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, lần cuối cùng là từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay chị không về sống chung cùng anh T nữa. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống Thôn 1, xã Ng, huyện P. Gia đình anh T chỉ có hai mẹ con ở cùng nhau, anh T làm nghề lao động tự do, còn bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh T cũng đi làm từ sáng đến tối mới về nên việc Tòa án giao các văn bản tố tụng cho anh T không thực hiện được. Đối với chị Y, đã từ lâu không sống chung cùng anh T nữa.

Từ những căn cứ trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/01/2016, hiện đang sống chung cùng chị Y. Xét nguyện vọng của chị Y được tiếp tục nuôi cháu N và cháu A là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Hơn nữa, anh T lại đi làm ăn không thường xuyên ở nhà nên giao cả hai cháu cho chị Y nuôi là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị Y xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì có quyền khởi kiện và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y.

1.1 Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 18/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040391 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- THADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã nơi ĐKKKH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA